

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà 3
tại xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường
chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan
trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công
nghiệp Nam Hà 3 tại xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận họp
ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư
xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà 3 tại xã Đông Hà, huyện
Đức Linh, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung
giải trình tại Công văn số 03/CVMT21 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Công
ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Hà - Đức Linh;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 518/TTr-STNMT ngày 30 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà 3 (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Hà - Đức Linh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Phong;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Công thương;
- UBND huyện Đức Linh;
- UBND xã Đông Hà;
- Công ty TNHH Nam Hà – Đức Linh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phong

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số: 19 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà 3.
- Chủ dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Hà - Đức Linh.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Nam Hà, xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Thế Hiển Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ liên lạc: Số 268 đường Z30A thôn Nam Hà Xã Đông Hà, huyện Đức Linh, Bình Thuận.
- Điện thoại: 0913 940 808.
- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà 3 với diện tích đất là 20,10 ha, gồm: Đất nhà máy – xí nghiệp công nghiệp (diện tích: 139.012,18 m²); đất dự trữ phát triển (diện tích: 330.825,60 m²); đất hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý nước thải và nhà chứa chất thải): (diện tích: 3.095,46 m²); đất dịch vụ (diện tích: 5.908,74 m²); đất cây xanh (diện tích: 24.697,22 m²); đất giao thông (diện tích: 28.286,34 m²).
- Các ngành nghề dự kiến thu hút đầu tư, gồm: Chế biến gỗ công nghiệp và các sản phẩm từ gỗ; sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu cao su (sản xuất găng tay y tế), hàng gia dụng; chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm hiện có ở địa phương; gia công may mặc, giày da, lắp ráp linh kiện điện tử, các ngành công nghiệp phụ trợ; vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
- Mục tiêu của dự án: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có kết cấu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, đảm bảo cung cấp các dịch vụ công nghiệp chất lượng cao, tạo quỹ đất công nghiệp lớn đáp ứng nhu cầu đầu tư, mở rộng của nhà đầu tư và quá trình hội nhập kinh tế thế giới, góp phần chuyển giao công nghệ kỹ thuật tiên tiến; tạo việc làm cho lao động địa phương có thu nhập ổn định, đào tạo nghề, nâng cao mức sống cho nhân dân. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo môi trường thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, góp phần đáng kể vào sự phát triển công nghiệp và kinh tế - xã hội của huyện Đức Linh.
- Công trình chính của dự án: Các cụm nhà máy - xí nghiệp công nghiệp, gồm: Cụm A1, Cụm A2, Cụm A3, Cụm A4; hạ tầng kỹ thuật bảo vệ

môi trường, gồm: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, khu xử lý nước thải, công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường,...), hệ thống hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước,...

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng. Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng, rửa phương tiện vận chuyển ra vào dự án.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang, dọn mặt bằng; từ hoạt động phương tiện vận chuyển, xe cơ giới, máy móc thi công, đào đắp đất, san nền; từ hoạt động bốc dỡ vật liệu xây dựng; từ hoạt động hàn, cắt, xi kim loại, phủ nhựa đường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động phát quang, dọn mặt bằng; từ hoạt động thi công xây dựng kết cấu hạ tầng,...

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu dịch vụ và các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp; nước thải công nghiệp phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp; mùi từ hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu lưu giữ chất thải rắn của Cụm công nghiệp.

+ Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt; từ hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung; từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông, từ hoạt động sản xuất của các nhà máy trong cụm công nghiệp.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Trong giai đoạn xây dựng: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,25 m³/ngày, chứa các thành phần chủ yếu là chất lơ lửng, chất hữu cơ, chất vô cơ và vi sinh vật gây bệnh. Lưu lượng nước thải thi công xây dựng, rửa xe phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày, chứa các thành phần chủ yếu là chất lơ lửng, dầu mỡ khoáng,...

- Trong giai đoạn vận hành: Lưu lượng nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt phát sinh và được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung

khoảng 269 m³/ngày đêm, chứa các thành phần chủ yếu: TSS, COD, BOD₅, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Coliform,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Trong giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải chứa các thành phần chủ yếu: Bụi, CO, SO₂, NO_x,... từ các nguồn phát sinh với lưu lượng, nồng độ phát sinh không đáng kể, phân bố rải rác trong phạm vi dự án và tùy thuộc vào tính năng kỹ thuật của các phương tiện giao thông, xe cơ giới, máy móc, thiết bị, điều kiện thời tiết, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải chứa các thành phần chủ yếu: Bụi, CO, SO₂, NO_x,... phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp với lưu lượng, nồng độ tùy thuộc vào đặc trưng từng ngành nghề, hoạt động sản xuất; mùi chủ yếu là khí H₂S, NH₃,... từ hoạt động xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu lưu trữ chất thải rắn phát sinh cục bộ trong phạm vi dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Khối lượng chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng, chặt hạ cây cao su khoảng 829 tấn.

+ Khối lượng chất thải từ quá trình xây dựng phát sinh trong thời gian thi công dự án khoảng 15,99 tấn, trong đó: Chất thải rắn không tận dụng, không tái sử dụng được khoảng 13,645 tấn với các thành phần như: Đá rơi vãi, cát rơi vãi, gạch vỡ, gỗ vụn, ván khuôn hư,...; khối lượng chất thải rắn tận dụng, tái sử dụng được khoảng 2,345 tấn với các thành phần như: Thép vụn, bao bì các loại (bao xi măng, bao trét, bao bì thiết bị, nguyên vật liệu khác,...) không chứa thành phần nguy hại.

+ Khối lượng chất thải rắn phát sinh khi kết thúc giai đoạn xây dựng do dọn dẹp mặt bằng sau thi công khoảng 195 tấn, trong đó chất thải xà bần khoảng 175 tấn, chất thải là mái tôn, sắt thép khoảng 20 tấn.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Khối lượng và thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh phụ thuộc vào ngành nghề, công nghệ sản xuất từ các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp do chủ đầu tư các nhà máy thứ cấp chịu trách nhiệm quản lý, xử lý theo quy định.

+ Bùn thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp khoảng 111.690 kg/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong thời gian thi công khoảng 271,0 kg, trong giai đoạn vận hành khoảng 360 kg/năm với các danh mục chủ yếu: Que hàn thải; các sản phẩm hắc ín (tar) thải; sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại; hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bao bì mềm thải, bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ) và bao bì (cứng, mềm) thải chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ; bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc qui quy thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bộ lọc dầu, lọc nhớt đã qua sử dụng; bao bì mềm thải, bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn, bao bì cứng thải bằng nhựa, bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...); chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 25,0 kg/ngày với các thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, chất vô cơ và vi sinh vật gây bệnh. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành từ các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp khoảng 5,07 tấn/ngày với các thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, chất vô cơ và vi sinh vật gây bệnh.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Dự án đã có căn nhà hiện hữu có sẵn nhà vệ sinh, bể tự hoại để công nhân sử dụng; chủ dự án có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và thuê đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển và xử lý chất thải bể tự hoại đầy.

+ Xây dựng 01 bể lắng để thu gom nước thải rửa xe, rửa thiết bị thi công xây dựng, nước sau lắng được dẫn ra mương thoát nước đường Đông Hà - Gia Huynh để dẫn ra suối Gia Huynh; tháo dỡ, san lấp bể lắng sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải của Cụm công nghiệp phải được tách riêng, thiết kế đồng bộ, bố trí phù hợp với quy hoạch đã được duyệt và tuân theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan.

+ Toàn bộ các nguồn phát sinh nước thải của dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp của các nhà máy thứ cấp sau khi được xử lý sơ bộ đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước

thải công nghiệp (Cột B, $K_q = 1,0$; $K_f = 1,0$) phải được thu gom, đầu nối dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý theo quy định.

+ Dự án có 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế 350 m³/ngày đêm để vận hành hành thử nghiệm, quy trình công nghệ xử lý như sau: Các nguồn phát sinh nước thải → Hồ thu → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể trung hòa - keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý lắng¹ → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học² → Bể khử trùng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể quan trắc tự động → Nguồn tiếp nhận. Nước sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) được xả thải nguồn tiếp nhận là ra suối Gia Huỳnh chảy ra sông La Ngà.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp được triển khai xây dựng các cụm bể xử lý 01 lần và việc lắp thiết bị vận hành hệ thống được chia thành 02 giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 1: Lắp đặt thiết bị đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vận hành với công suất 175 m³/ngày đêm.

+ Giai đoạn 2: Lắp đặt đầy đủ các thiết bị đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vận hành với công suất 350 m³/ngày đêm khi lưu lượng nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải đạt lưu lượng khoảng 140 m³/ngày đêm (khoảng 80% công suất giai đoạn 1) hoặc khi có dự án đầu tư thứ cấp có nhu cầu nước thải dự kiến vượt khả năng tiếp nhận giai đoạn 1.

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp bảo đảm các yêu cầu sau: Có đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, công tơ điện tử đo điện độc lập; điểm xả thải có biển báo rõ ràng; sàn công tác có diện tích tối thiểu 01 m², lối đi thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để quan trắc các thông số gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amonia. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định; phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

¹ Bùn thải từ bể lắng hóa lý → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Bùn khô → Ký hợp đồng chuyển giao, xử lý theo quy định.

² Bùn thải từ bể lắng sinh học (sử dụng 01 phần hoàn lưu về bể thiếu khí, bể hiếu khí) → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Bùn khô → Ký hợp đồng chuyển giao, xử lý theo quy định.

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án có trách nhiệm quản lý và thực hiện các giảm thiểu bụi, khí thải của dự án với một số nội dung chính như sau:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Quá trình đào đắp, san nền mặt bằng sử dụng xe ủi để san nền; phun nước tại vị trí đang thi công khi trời quá nắng nóng để giảm bụi với tần suất 02 lần/ngày.

+ Quá trình bốc dỡ vật liệu xây dựng, tập kết vật liệu phải thực hiện giải pháp che chắn bằng bạt, tôn khu vực bốc dỡ, tập kết vật liệu với khu vực xung quanh; thường xuyên tưới nước để duy trì độ ẩm thích hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải.

+ Phương tiện giao thông ra vào dự án, xe cơ giới, máy móc, thiết bị phục vụ thi công phải tuân thủ quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; không được vượt quá trọng tải cho phép và hạn chế tốc độ khi lưu thông trong khu vực đông dân cư; bố trí thời gian hợp lý, tránh hoạt động vào các giờ cao điểm, tan giờ làm việc, giờ tan trường và không gây tình trạng tắc nghẽn giao thông; tuân thủ quy định về tốc độ cho phép khi tham gia giao thông; chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng phải được che chắn, phủ kín bằng bạt và tránh tình trạng rơi vãi xi măng, gạch, cát ra đường; phun xịt xe trước khi ra khỏi công trường để tránh mang theo đất cát, bùn và không gây ô nhiễm bụi trên tuyến đường giao thông, đảm bảo mỹ quan đường phố.

+ Tuân thủ quy định về các biện pháp bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng. Khu vực thi công xây dựng phải có giải pháp giảm thiểu, che chắn tại những vị trí thi công xây dựng, sơn quét tường, chà nhám, bãi tập kết vật liệu xây dựng,... bằng các tấm bạt, lưới chuyên dụng để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh; áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa.

+ Quá trình hàn, cắt cơ khí phải thực hiện biện pháp che chắn xung quanh công trình đang xây dựng nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu bụi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh.

+ Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp như: Nón, khẩu trang chống bụi, bao tay,...

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải, mùi phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp do chủ các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm quản lý, xử lý và kiểm soát bụi, khí thải đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan

có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận riêng cho từng nhà máy thứ cấp. Chủ dự án có trách nhiệm giám sát, nhắc nhở, hướng dẫn các dự án đầu tư thứ cấp tuân thủ các quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động.

+ Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được Chủ dự án thường xuyên kiểm tra bảo trì hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể điều hòa, bể hiếu khí để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi do phân hủy kỵ khí sinh ra; thiết lập chế độ bơm nước thải tại các bể chứa, bể tiếp nhận, để đảm bảo thời gian lưu nước của các bể, nước thải thu gom về được bơm đi xử lý ngay, tránh tình trạng phân hủy kỵ khí ở các bể do lưu nước thải lâu ngày; tăng cường mật độ dải cây xanh cách ly nhằm giảm thiểu mùi,...

+ Ngoài ra, trong quá trình hoạt động vận hành, duy tu bảo trì bảo dưỡng các công trình đầu mối, dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, Chủ dự án thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa, bùn thải sinh ra từ quá trình xử lý nước thải và rác thải sinh hoạt theo đúng quy định; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy; trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ với một số biện pháp giảm thiểu và quản lý chính như sau:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Các loại phế thải như giấy, sắt, thép, nhựa, gỗ vụn, vỏ bao xi măng,... được thu gom, phân loại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Đất đào được tận dụng lại để nâng nền trong phạm vi dự án, không được vận chuyển ra ngoài.

+ Các loại chất thải rắn xây dựng (như: xà bần, rác thải khác) phải thu gom, quản và ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định, tần suất thu gom 01 tháng/ lần hoặc khi khối lượng phát sinh nhiều.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp do chủ các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm quản lý, xử lý theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận riêng cho từng nhà máy thứ cấp.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động điều hành, các công trình đầu mối kỹ thuật, dịch vụ do chủ dự án trực tiếp quản lý, chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

+ Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được ép khô bằng máy ép bùn và lưu chứa trong các bao PP đặt trong nhà chứa bùn diện tích khoảng 42,84 m² tại khuôn viên hệ thống xử lý nước thải tập trung; chủ dự án có trách nhiệm phân định ngưỡng chất thải nguy hại để quản lý và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý bùn thải.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, với một số nội dung chính như sau: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 12,5 m²; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc Giấy phép quản lý chất thải nguy hại phù hợp; đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định,...

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải khác để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ với một số biện pháp giảm thiểu và quản lý chính như sau:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Sinh khối là cây cao su được cưa thành các đoạn ngắn và phân loại theo kích thước để bán cho các đơn vị có nhu cầu; phần cành nhỏ, lá cây được phát dọn và chuyển đến các vị trí trồng phía Nam trong phạm vi dự án để chôn lấp (vị trí được quy hoạch để trồng cây xanh).

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào các thùng chứa dung tích 120 lít tại các nhà có sẵn trong dự án và ký hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng tại địa phương để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Trong giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa dung tích 45,0 lít tại nơi phát sinh; đặt các thùng chứa rác 120 lít dọc các đường nội bộ; thực hiện thu gom, phân loại các loại chất thải có thể

bán phế liệu để bán phế liệu, chất thải không bán phế liệu được lưu trữ trong các thùng rác nhựa có nắp đậy; cuối mỗi ngày làm việc, nhân viên thu gom đưa về khu lưu chứa chất thải tập trung. Chủ dự án phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Dự án không có công trình xử lý tiếng ồn, độ rung, để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu và quản lý chính như sau:

- Trong giai đoạn xây dựng: Không sử dụng các thiết bị xây dựng, phương tiện giao thông cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao; các phương tiện giao thông phải đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành và được cơ quan đăng kiểm xác nhận; thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt; tránh vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu cùng một lúc nhiều xe làm tăng tiếng ồn do sự cộng hưởng của âm thanh; quy định chế độ vận hành của xe vận chuyển và chế độ bốc dỡ nguyên vật liệu hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm để tránh ảnh hưởng về giao thông cũng như chế độ nghỉ ngơi, sinh hoạt của nhân viên tại công trường.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động kinh doanh hạ tầng, dịch vụ do chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như: Trồng cây xanh để tạo dải phân cách; áp dụng các biện pháp chống ồn, rung cần thiết cho nền trạm bơm nước, nước thải khi xây dựng và lắp đặt; thường xuyên kiểm tra định kỳ, đảm bảo các máy bơm luôn trong tình trạng hoạt động tốt; trang bị thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định.

+ Các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị cơ giới đưa vào sử dụng phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn môi trường và tiếng ồn rung; phân bố mật độ các xe vận tải ra vào khu vực Cụm công nghiệp hợp lý; quy định tốc độ xe lưu thông trong dự án ≤ 50 km/h; điều tiết các máy móc, thiết bị làm việc phù hợp.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Xây dựng 01 hồ sự cố bê tông cốt thép dung tích xây dựng 410 m^3 (kích thước: dài x rộng x cao = $19,9 \times 5,9 \times 3,5$ m) có khả năng lưu chứa nước thải phù hợp với công suất của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo quy định.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Thực hiện các quy định về quản lý và an toàn hóa chất; xây dựng biện pháp/ kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật hóa chất.

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Chủ dự án có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế 350 m³/ngày đêm.

- 01 công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường với thể tích xây dựng khoảng 410 m³ (kích thước dài x rộng x cao = 19,9 x 5,9 x 3,5m).

- 01 nhà chứa bùn bố trí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung với diện tích khoảng 42,84 m².

- 02 khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt bố trí tại nhà điều hành, khu dịch vụ với diện tích khu lưu chứa khoảng 3,0 m²/khu.

- 01 khu lưu chứa chất thải nguy hại bố trí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung với diện tích khoảng 12,5 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

a) Giám sát chất thải rắn:

Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại khu vực xây dựng của dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

b) Giám sát chất lượng không khí:

- Vị trí giám sát, thông số quan trắc:

+ 01 mẫu trong khu vực đang xây dựng. Thông số quan trắc: Bụi, Tiếng ồn, Độ rung, Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm).

+ 01 mẫu ngoài khu vực dự án, cuối hướng gió cách dự án từ 100 đến 500m. Thông số quan trắc: Bụi, Tiếng ồn, Độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

c) Giám sát chất lượng nước thải:

- Vị trí, thông số quan trắc: 01 điểm tại hồ lắng (lưu chứa nước thải rửa xe, rửa thiết bị, dụng cụ,...). Thông số quan trắc: pH, TSS, COD.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

d) Giám sát khác:

- Giám sát sự tuân thủ quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; sự tuân thủ quy định về tốc độ cho phép khi tham gia giao thông ra vào dự án. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát việc hoạt động máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng; việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp,... Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát sự tồn đọng, khả năng thoát của các tuyến thoát nước sinh hoạt, nước mưa, nước thải thi công, các sự cố môi trường. Xác định yếu tố gây cản trở đến khả năng thoát nước và làm gia tăng nồng độ chất bẩn trong các loại nước thải. Điều kiện vệ sinh, mức độ tiện nghi của các khu nhà vệ sinh công cộng trên công trường. Xác định yếu tố làm giảm điều kiện vệ sinh tại các khu vực. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Vận hành thử nghiệm:

a) Giám sát bằng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tại hồ thu gom.

+ 01 mẫu nước thải đầu ra Hệ thống xử lý nước thải tại bể quan trắc tự động.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.

- Tần suất giám sát: Tự động, liên tục 24/24 giờ.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

b) Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả từng công đoạn xử lý nước thải:

- Vị trí giám sát, thông số quan trắc:

+ 01 mẫu nước thải trước xử lý tại hố gom. Thông số quan trắc: Nhiệt độ, Màu, pH, BOD₅ (20°C), COD, TSS, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Clorua, Clo dư, Coliform.

+ 01 mẫu nước thải sau công đoạn xử lý hóa lý, tại bể lắng hóa lý. Thông số quan trắc: Màu, pH, BOD₅ (20°C), COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho.

+ 01 mẫu nước thải sau công đoạn xử lý sinh học, tại bể lắng sinh học. Thông số quan trắc: Màu, pH, BOD₅ (20°C), COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Coliform.

+ 01 mẫu nước thải sau xử lý tại bể quan trắc tự động. Thông số quan trắc: Nhiệt độ, Màu, pH, BOD₅ (20°C), COD, TSS, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Clorua, Clo dư, Coliform.

- Thời gian và tần suất giám sát thực hiện: Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý).

- Quy chuẩn áp dụng: Đánh giá hiệu suất xử lý của từng công đoạn xử lý theo thiết kế (không áp dụng quy chuẩn so sánh) để làm cơ sở hiệu chỉnh cho phù hợp. Riêng các thông số nước thải sau xử lý tại bể quan trắc tự động có xả thải ra môi trường nguồn tiếp nhận thì phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

c) Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải:

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tại hố thu gom.

+ 01 mẫu nước thải đầu ra Hệ thống xử lý nước thải tại bể quan trắc tự động.

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ, Màu, pH, BOD₅ (20°C), COD, TSS, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Clorua, Clo dư, Coliform.

- Thời gian và tần suất giám sát thực hiện: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh quy định. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,1).

d) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại của dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.3. Vận hành thương mại:

a) Giám sát bằng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tại hồ thu gom.

+ 01 mẫu nước thải đầu ra Hệ thống xử lý nước thải tại bể quan trắc tự động.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.

- Tần suất giám sát: Tự động, liên tục 24/24 giờ.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,1).

b) Giám sát nước thải của dự án:

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tại hồ thu gom.

+ 01 mẫu nước thải đầu ra Hệ thống xử lý nước thải tại bể quan trắc tự động.

- Thông số quan trắc: Độ màu, BOD₅ (20°C), As, Hg, Pb, Cd, Cr⁶⁺, Cr³⁺, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng xianua, Tổng Phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Clorua, Clo dư, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

c) Giám sát nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp:

- Vị trí giám sát: Tại hồ ga đầu nối của các dự án đầu tư thứ cấp.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, COD, TSS.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, $K_q = 1,0$; $K_f = 1,0$).

d) Giám sát không khí:

- Vị trí, thông số quan trắc:

+ 01 mẫu tại hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thông số quan trắc: NH_3 , H_2S .

+ 01 mẫu trong cụm công nghiệp. Thông số quan trắc: Bụi, Tiếng ồn, Độ rung, Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm).

+ 01 mẫu ngoài Cụm công nghiệp, cuối hướng gió cách dự án từ 100 đến 500 m. Thông số quan trắc: Bụi, Tiếng ồn, Độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

đ) Giám sát chất thải rắn:

Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại của dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

e) Giám sát bùn thải:

- Vị trí giám sát: 01 mẫu bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải sau ép.
- Thông số quan trắc: Asen, Bari, Bạc, Cadimi, Chì, Coban, kẽm, Niken, Selen, Thủy ngân, Crom VI, Tổng Xyanua, tổng Dầu, Phenol, Benzen, Clobenzen, Toluen, Naptalen.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

f) Giám sát khác:

- Giám sát sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải: Theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời. Giám sát sự cố môi trường, sự cố hóa chất đối với vận hành hệ thống xử lý nước thải. Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Giám sát sự cố môi trường đối với khu lưu giữ chất thải nguy hại: Theo dõi khối lượng, phân loại và tình trạng thùng chứa chất thải nguy hại để kịp thời phát hiện rò rỉ, kiểm tra hệ thống phòng cháy chữa cháy và các thiết bị phòng ngừa sự cố. Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Giám sát sự tuân thủ quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; sự tuân thủ quy định về tốc độ cho phép khi tham gia giao thông; việc hoạt động, vận hành các công trình bảo vệ môi trường, máy móc, thiết bị của các dây chuyền sản xuất; việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp,... Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Giám sát sự tồn đọng, khả năng thoát của các tuyến thoát nước thải, nước mưa,... của các dự án thứ cấp vào hạ tầng cụm công nghiệp và thoát ra nguồn tiếp nhận. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.
- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01

tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp theo quy định. Thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải ở các khâu tiếp nhận, lưu giữ và xử lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của dự án.

6.2. Không tiếp nhận thêm hoặc nâng công suất dự án đầu tư có phát sinh nước thải trong cụm công nghiệp khi chưa có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

6.3. Thu gom, đấu nối nước thải của các cơ sở trong cụm công nghiệp vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

6.4. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường; phối hợp kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

6.5. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh theo quy định.

6.6. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

6.7. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, vệ sinh công nghiệp và phòng chống sự cố môi trường theo đúng các quy định của pháp luật./.